

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ - ST
Ngày 20 tháng 4 năm 2018

V/v: “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình,
ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Huyền và bà Lê Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 115/2017/TLST- HNGĐ ngày 13/11/2017 về việc: “*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐST - HNGĐ ngày 08/3/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị L, sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa (*có mặt*).

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Lương Thị L:

Bà Nguyễn Thị Quế - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa (*có mặt*).

2. *Bị đơn:* Anh Cầm Văn L1, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa (*vắng mặt*).

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn anh Cầm Văn L1:

Ông Trịnh Đình Hợp - Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 6, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa. (*có mặt*.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20/10/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lương Thị L trình bày:

Chị Lương Thị L và anh Cầm Văn L1 chung sống với nhau đầu tháng 4/2015 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, sau khi cưới ngày 08/4/2015 vợ chồng đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá, làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được hơn một năm không có mâu thuẫn gì. Từ tháng 5/2017 đến nay thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống. Anh L thường xuyên nói những câu xúc phạm và bôi xấu danh dự của chị L, anh L1 hay nghi ngờ phán đoán không chính xác về các mối quan hệ của chị, chị L đã giải thích nhưng anh L1 vẫn không thay đổi, nhiều lần anh L1 đã chửi bới, đánh đập chị, hai bên gia

đình cũng đã khuyên giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài trầm trọng nên chị L đã về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 9/2017 đến nay và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân nhau mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai, mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh L1.

Về con chung: Vợ chồng có 01(một) con chung là Cẩm Đức N, sinh ngày 26/8/2015. Vợ chồng ly hôn chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con và yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ(một triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại các bản tự khai bị đơn anh Cẩm Văn L1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Cẩm Văn L1 đồng ý với phần trình bày của chị L về phần kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống đầm ấm hạnh phúc không có mâu thuẫn, bất đồng gì, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên anh L1 phải đi làm ăn kiếm tiền lo cho cuộc sống của gia đình từ tháng 8/2016 đến nay, thỉnh thoảng mới về thăm gia đình vợ con. Tháng 10/2017 chị L có mâu thuẫn lời qua tiếng lại với bố chồng, chị L gọi điện cho anh L1 nói đưa con về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 9/2017 đến nay và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân nhau. Trong thời gian chị L về nhà mẹ đẻ ở, gia đình anh L1 đã đến đón 2 mẹ con chị L về nhiều lần nhưng chị L không về. Nay anh L1 vẫn còn tình cảm với chị L nên anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nuôi con ăn học.

Về con chung: Vợ chồng có 01(một) con chung là Cẩm Đức N, sinh ngày 26/8/2015. Chị L quyết tâm ly hôn anh L1 xin được chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lương Thị L và anh Cẩm Văn L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quan điểm người bảo vệ quyền lợi và ích hợp pháp của nguyên đơn chị Lương Thị L cho rằng: Chị L và anh L1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị tòa án chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 01(một) con chung là Cẩm Đức N, sinh ngày 26/8/2015. Vợ chồng ly hôn chị Lương Thị L có nguyện vọng được nuôi con, hiện cháu N đang ở với chị L, tính đến thời điểm ly hôn cháu N chưa đủ 36 tháng tuổi. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu N cho chị L nuôi dưỡng và anh L1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền là 1.500.000đ(một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ: Chị Lương Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

* Quan điểm người bảo vệ quyền lợi và ích hợp pháp của bị đơn anh Cẩm Văn L1 cho rằng: Chị L và anh L1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, chị L đã bỏ anh L1 về ở với mẹ đẻ từ tháng 9/2017 đến nay. Anh L1 cùng gia đình

đến đón chị L nhiều lần nhưng chị L không về, bản thân anh xét thấy vẫn còn tình cảm với chị L, đề nghị Tòa án xem xét đến nguyện vọng của anh L1.

Về con chung: Vợ chồng có 01(một) con chung là Cẩm Đức N, sinh ngày 26/8/2015. Chị Lương Thị L quyết tâm ly hôn, anh Cẩm Văn L1 có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị HĐXX xem xét đến nguyện vọng nuôi con của anh L1.

Về tài sản, công nợ: Chị Lương Thị L và anh Cẩm Văn L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Tại phiên Tòa chị Lương Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, vắng mặt anh Cẩm Văn L, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các loại giấy tờ tố tụng thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tại trụ sở UBND xã L, huyện Thường Xuân, nơi cư trú của anh L1 nhưng anh L1 vẫn vắng mặt không có lý do. Do vắng mặt bị đơn nên vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án xét thấy việc anh L1 vắng mặt thuộc trường hợp bị đơn cố tình lẩn tránh vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1].*Về thủ tục tố tụng:* Chị Lương Thị L có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân yêu cầu ly hôn với anh Cẩm Văn L1. Anh Cẩm Văn L1 vắng mặt Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các loại giấy tờ tố tụng theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lương Thị L và anh Cẩm Văn L1, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật, đủ cơ sở xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 05 năm 2017, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, anh L1 nghi ngờ chị có quan hệ bên ngoài, chị Liên có lời qua tiếng lại với bố chồng nên chị L đã về mẹ đẻ ở từ tháng 09/2017 đến nay và cũng từ đó vợ chồng đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai. Hai bên gia đình nội, ngoại đã hòa giải nhiều lần để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng vợ chồng vẫn không thể quay lại đoàn tụ được với nhau, chị L vẫn cương quyết ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án anh L1 đã đến Tòa án trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo cho anh L1 đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L1 không đến. Ngày 27/2/2018 chị L đã cung cấp cho Tòa án tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống với nhau. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh L1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[3].*Về con chung:* Chị Lương Thị L và anh Cẩm Văn L1 có 01(một) con chung là Cẩm Đức N, sinh ngày 26/8/2015.

Xét nguyện vọng xin nuôi con của chị Lương Thị L và anh Cẩm Văn L1, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyện vọng đó của anh, chị là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên từ khi cháu Cẩm Đức N sinh ra đến nay cháu luôn ở với mẹ, được mẹ chăm sóc, hơn nữa tính đến thời điểm vợ chồng ly hôn cháu N mới tròn 32 tháng tuổi, cháu còn đang rất nhỏ. Để đảm bảo ổn định về mặt tâm lý, học tập của trẻ, hoàn cảnh sống để tạo điều kiện về sự phát triển tốt về thể chất của cháu. Hơn nữa chị L có công ăn việc làm và thu nhập ổn định mỗi tháng sáu triệu đồng. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật HN&GD năm 2014, giao cháu Nam cho chị Liên trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của chị L yêu cầu anh L1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Cẩm Đức N hàng tháng số tiền 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*) là cao so với quy định của pháp luật. Để bảo vệ quyền và lợi ích của con chưa thành niên nên buộc anh L1 cấp dưỡng với mức 1.000.000đ (*một triệu đồng*) là phù hợp. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Anh L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4].*Về tài sản chung; nợ chung:* Chị Lương Thị L và anh Lương Văn L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét thấy đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trường hợp anh Cẩm Văn L1 vắng mặt không có lý do Tòa án đã tổng đạt, niêm yết nhiều lần các loại giấy tờ tố tụng theo quy định của pháp luật. Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS để giải quyết vắng mặt anh Luyến là đúng quy định của pháp luật.

[5].*Về án phí:* Chị Lương Thị L và anh Cẩm Văn L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 5; Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định “*Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị L

Về hôn nhân: Chị Lương Thị L được ly hôn anh Cẩm Văn L1.

Về con chung: Giao cháu là Cẩm Đức N, sinh ngày 26/8/2015 cho chị Lương Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Cẩm Văn L1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000đ (*một triệu đồng*). Thời

gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Anh L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lương Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số 0003206 ngày 13/11/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, chị L đã nộp đủ án phí.

Buộc anh Cẩm Văn L1 phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Quyền kháng cáo: Chị Lương Thị L được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/4/2018). Anh Cẩm Văn L1 được quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thường Xuân;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADSH.Thường Xuân;
- Các đương sự;
- UBND L;
- Trợ giúp viên pháp lý;
- Lưu HSVA.

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Tâm

